

Số: /GCN-SXD

Hà Nội, ngày

tháng 6 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.

Xét hồ sơ đề nghị của Công ty Cổ phần kiểm nghiệm khoa học Công nghệ; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 08/5/2025, ngày 28/5/2025, ngày 17/6/2025; văn bản số 10/CV-KHHT&KSKĐXD ngày 09/5/2025 của Công ty Cổ phần kiểm nghiệm khoa học Công nghệ (gửi Sở Xây dựng ngày 23/5/2025); văn bản số 02/2025/KHCN ngày 08/6/2025 gia hạn thời gian khắc phục.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần kiểm nghiệm khoa học Công nghệ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109032539 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/06/2024.

Địa chỉ: Số 8, ngõ 32/22, Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0977.86.96.76 – 0976.359.969 Email: lasxd686@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng.**

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Liên kê 47, No 7a, Khu đất dịch vụ Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành Phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.140

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần kiểm nghiệm
khoa học Công nghệ;

- Bộ Xây dựng; (để b/c)

- Đ/c Giám đốc Sở XD;

- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ SXD;

- Viện KHCN&KTXD HN;

- Lưu: VT, GĐCL(H.N.Duy-05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.140**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số
/GCN-SXD ngày tháng 6 năm 2025)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
I	PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG, PHỤ GIA KHOÁNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605:2023 ASTM C430 ASTM C188 ASTM C204 AASHTO T153 ASHTO T192
2	Xác định cường độ uốn , nén	TCVN 6016:2011 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012 ASTM C109/109M
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187 ASTM C191 AASHTO T131 TCVN 9488:2012
4	Xác định độ bền nước, xác định hàm lượng tạp chất bụi bùn sét	TCVN 6882:2016
5	Xác định độ nở sunphat, độ bền sunphat, chiều dài thanh vữa	TCVN 6068:2020
6	Hàm lượng mất khi nung, cặn không tan, SO ₃	TCVN 6067:2018 TCVN 141:2023 TCVN 6820:2015
7	Xác định độ nở chưng áp (Autoclave)	TCVN 8877:2011 ASTM C151-2000
II	BỘT BÊ	
8	Độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
III	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
9	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022 ASTM C232/232M AASHTO T158 EN 12350-4
10	Xác định hàm lượng bọt khí trong bê tông	TCVN 3111:2022 BS EN 12350-7 ASTM C173 ASTM C231 AASHTO T152
11	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022 ASTM C403/403M ASTM C1585 EN 12390-8 TCVN 8219:2009 ASTM C1585BS

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
		EN 12390-8
12	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022 ASTM C157 AASHTO T160
13	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M AASHTO T22M/T22 EN 12390-3
14	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022 ASTM C293/ C293M
15	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012 ASTM C403/C403M AASHTO T197M/T197
16	Xác định độ thấm ion	TCVN 9337:2012 ASTM C1152 ASTM C1218
IV	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DẼM	
17	Thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt	TCVN 7572-02:2006 TCVN 6221:1997 TCVN 9205:2012, AASHTO T11
18	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước, của cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn và đá gốc	TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006 AASHTO T85
19	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hong	TCVN 7572-06:2006 ASTM C29
20	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07:2006 ASTM C70
21	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:2006 ASTM C142 AASHTO T112
22	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006 ASTM C40/C40M AASHTO T21
23	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006 ASTM D2938
24	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
25	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:2006 ASTM C535 AASHTO T96
26	Xác định hàm lượng hạt trôi, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006 ASTM D4791-2023 BS EN 933-3-2012 BS EN 933-4-2008 BS EN 933-5-1998 BS 812- part 105.1-1989
27	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic.	TCVN 7572-14:2006

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
		ASTM C227 ASTM C289
28	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006 BS EN 1744 ASTM C1152 ASTM C1524 ASTM C1218
29	Xác định hàm lượng sulfat và sulfat trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-16:2006
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006 AASHTOT112
31	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh	TCVN 7572-18:2006
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
33	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419 AASHTO T176
34	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 10321:2014 TCVN 10322:2014
V	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA	
35	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437, C939
36	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-9:2022 ASTM C807 ASTM C403 ASTM C953
37	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109/C109M
38	Xác định độ bám dính của vữa đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022 TCVN 9349:2012
39	Xác định độ co khô, độ nở hãm của vữa	TCVN 8824:2011 TCVN 8874:2012 ASTM C940
40	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, chiều cao cột vữa, thay đổi chiều dài vữa đông rắn	TCVN 9204:2012 ASTM C940
41	Vữa dùng cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt, độ lưu động, khả năng giữ nước lưu động, thời gian đông kết, cường độ nén, bám dính, hút nước	TCVN 9028:2011
42	Vữa keo chít mạch và dán gạch: Độ bám dính, bền uốn, bền nén, mài mòn, thời gian mở, độ trượt, thấm nước hút nước, bền hóa, mài mòn	TCVN 7899:2008 BS EN 14891
43	Silicon xâm khe: Độ chảy, khả năng đun chảy, độ cứng shore A, lão hóa nhiệt, thời gian không dính bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 8267:2009
44	Vữa chèn cấp dự ứng lực: Hàm lượng các thành phần so với xi măng, lượng vón cục trên sàng có kích thước lỗ 2 mm, độ chảy, độ tách nước, thay đổi thể tích, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018
VI	PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
45	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 6625:2000 TCVN 4560:1988
46	Xác định độ PH	TCVN 6492:2011 ASTM D1293
47	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
48	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996 ASTM D516-2022
49	Xác định hàm lượng chất hữu cơ (Chỉ số Pemanganat)	TCVN 6186:1996
VII	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA XÂY DỰNG	
50	Phụ gia hoá học cho Bê tông: Xác định lượng nước trộn tối đa, thời gian đông kết, cường độ nén, cường độ uốn, so với mẫu đối chứng, độ co ngót cứng, Độ PH, Hàm lượng chất khô, khối lượng riêng.	TCVN 8826:2011
51	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: Xác định độ ẩm, lượng nước trộn yêu cầu	TCVN 8827:2011
52	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông: xác định độ ẩm Độ ẩm; Lượng sót sàng 45mm; Lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng; Hàm lượng mất khi nung.	TCVN 8262:2009 TCVN 10302:2014
53	Xỉ hạt lò cao nghiền mịn dùng cho bê tông và vữa: Khối lượng riêng, chỉ số hoạt tính cường độ, độ lưu động, độ ẩm, hàm lượng mất khi nung	TCVN 11586:2016
VIII	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI	
54	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018
55	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735:2018 TCVN 1548:87
56	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617-2:2018
57	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 TCVN 7937:2013 TCVN 13711-2:2023 TCVN 12513-1:2018 ASTM A1061/1061M ASTM A370 JIS Z2241
58	Thử uốn, uốn lại	TCVN 198:2008 ASTM A370 TCVN 6287:1997
59	Thử kéo ngang để phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010 TCVN 5401:2010
60	Kiểm tra khuyết tật bu lông, vít, vít cấy, đai ốc: Thử kéo bu lông, Lực xiết	TCVN 1916:1995 TCVN 197:2014 TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989 TCVN 8298:2009 ASTM A370

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
		ASTM F606
61	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256:2006 TCVN 257:2007 TCVN 258:2007 ASTM E384 ASTM E18
62	Xác định chiều dày, khối lượng lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5408:2007 TCVN 5878:2007
63	Khe co dẫn cao su : Xác định kích thước, chiều dày, thử kéo, độ cứng shore A	ASTM D 3542 ASTM D 412 ASTM D 2240
64	Ống kim loại: Thử nén bẹp, thử uốn nguyên ống	TCVN 1830:2008 ASTM D1621 ASTM A53 ASTM A370
65	Ống kim loại: Thử kéo	TCVN 314:2008 TCVN 197-1:2014 ASTM A53 ASTM A370 ASTM E8
66	Ống kim loại: Thử áp lực ống	TCVN 2942:1993 TCVN 7972:2008 TCVN 1832:2008
67	Thang máng cáp: Kiểm tra kích thước hình học và thử tải	TCVN10688:2015
68	Nắp hồ ga, song chắn rác: Kích thước hình học, Thử tải	TCVN 10333:2014 BS EN 124
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐÁP, CÁP PHỐI ĐÁ DẼM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT	
69	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100
70	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012 ASTM D2216 AASHTO T265
71	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012 ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90
72	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024 TCVN 14134-3:2024 TCVN 4198:2014 AASHTO T88
73	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, Đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 AASHTO T99 AASHTO T180
74	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng	TCVN 4202:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
	thí nghiệm	ASTM D7263
75	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020 AASHTO T193
76	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012;ASTM D2166-2016
77	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012 AASHTO T267 ASTM D2974
78	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
79	Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan rã	TCVN 8719:2012 ASTM D4829 ASTM D4546 TCVN 8718:2012
80	Cọc xi măng đất: xác định sức kháng nén mẫu cọc xi măng đất	TCVN 9403:2012 ASTM D2166
X	BÊ TÔNG NHỰA	
81	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011 ASTM D6927 AASHTO T245
82	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164 ASTM D2172
83	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011 AASHTO T27 ASTM C136/C136M
84	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209
85	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011 ASTM D2726 AASHTO T166 AASHTO T176
86	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011
87	Xác định độ rỗng dư của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011
88	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011
89	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa	TCVN 8860-11:2011
90	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
XI	NHỰA BITUM	
91	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 ASTM D113 AASHTO T51
92	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005 ASTM D36/D36M AASHTO T53
93	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005 ASTM D92 AASHTO T48
94	Xác định lượng tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
		ASTM D6/D6M
95	Xác định tỷ lệ độ kim lún	TCVN 7495:2005 ASTM D5/D5M
96	Xác định lượng hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2023 AASHTO T44 ASTM D 2042
97	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005, ASTM D2196, ASTM D70/D70M
98	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005 ASTM D2170
99	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất của bitum	TCVN 7503:2005
100	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005 ASTM D3625 AASHTO T182
101	Xác định độ đàn hồi của bitum	TCVN 11194:2017 AASHTO T302
XII	NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT	
102	Xác định độ nhớt Saybolt furol của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-2:2011
103	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-3:2011
104	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-4:2011
105	Xác định điện tích hạt của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-5:2011
106	Xác định độ khử nhũ của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-6:2011
107	Xác định trộn với xi măng của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-7:2011
108	Xác định độ dính bám và tính chịu nước của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-8:2011
109	Xác định chưng cất nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-9:2011
110	Xác định bay hơi nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-10:2011
111	Xác định khối lượng thể tích của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-14:2011
112	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường của nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817-15:2011
XIII	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
113	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa lỏng	TCVN 8818-2:2011
114	Thử nghiệm chưng cất của nhựa lỏng	TCVN 8818-4:2011
115	Xác định độ nhớt tuyệt đối của nhựa lỏng	TCVN 8818-5:2011
XIV	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
116	Bột đá dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa: Xác định thành phần hạt, xác định độ ẩm, xác định hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
117	Xác định tỷ lệ thành phần hạt, Xác định lượng mất khi nung, Xác định hàm lượng nước, Xác định khối	22TCN 58:1984

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
	lượng riêng, Xác định độ trương nở, Xác định chỉ số về hàm lượng nhựa.	
XV	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
118	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020 ASTM D2937
119	Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012 AASHTOT191
120	Xác định modul đàn hồi nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
121	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4729
122	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012 ASTM D4395
123	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011 ASTM 4429
124	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
125	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
126	Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
127	Phương pháp không phá hủy sử dụng máy siêu âm kiểm tra chất lượng bê tông và súng bật nảy kiểm tra cường độ bê tông	TCVN 13537:2022 TCVN 9334: 2012
128	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022
129	Đo điện trở chống sét	TCVN 9385:2012
130	Xác định độ bám dính nền lớp mặt phủ kết cấu	TCVN 9349:2012 TCVN 9491:2012
131	Bê tông: Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012 ASTM E1512, ASTM D4435
132	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
133	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp biến động nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012 ASTM D5882
134	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng pp biến động lớn (PDA)	TCVN 11321:2016 ASTM D4945
135	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
136	Cột điện BTCT ly tâm: Xác định kích thước, ngoại quan, cường độ bê tông	TCVN 5847:2016
137	Cọc bê tông dự ứng lực trước: Xác định kích thước, ngoại quan, độ bền thân, mối nối	TCVN 7888:2014
138	Cầu kiện bê tông cốt thép ứng lực: Xác định kích thước, ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 9114:2019
139	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 ASTM D3689

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
		ASTM D1143
140	Thử nghiệm gói, đế cống, sản phẩm bó vữa bê tông đúng sẵn: Xác định kích thước, ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015 TCVN 10797:2015
141	Thử nghiệm ống cống, cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012 TCVN 9116:2012
XVI	GẠCH XÂY	
142	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009
143	Cường độ nén, uốn của gạch xây	TCVN 6355-2-3:2009
144	Độ hút nước, khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-4-5:2009
145	Xác định độ rỗng của gạch xây	TCVN 6355-6:2009
146	Xác định vết tróc vôi, thoát muối	TCVN 6355-7-8:2009
XVII	GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẸ	
147	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ rỗng.	TCVN 6477:2016
148	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn.	TCVN 6476:1999
149	Sản phẩm bê tông nhẹ: Xác định kích thước, ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích, độ ẩm	TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017
150	Gạch xi măng: Xác định kích thước, ngoại quan, độ hút nước, mài mòn, uốn, chịu lực va đập	TCVN 6065:1995
151	Gạch Granito: Xác định kích thước, ngoại quan, độ mài mòn, độ cứng	TCVN 6074:1995
152	Gạch Terazo: Xác định kích thước, khuyết tật, uốn, hút nước, mài mòn	TCVN 7744:2013
XVIII	GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT	
153	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6415-2:2016
154	Xác định độ hút nước, độ bền uốn, độ hút nước bề mặt gạch, khối lượng riêng, khối lượng thể tích.	TCVN 6415-3-4:2016
155	Xác định độ bền mài mòn sâu	TCVN 6415-6:2016
156	Xác định độ bền mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016
157	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016
158	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
159	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, uốn, độ hút nước, độ mài mòn bề mặt, khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016
160	Đá ốp lát nhân tạo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan và chất lượng bề mặt, uốn, độ hút nước, độ mài mòn sâu, độ cứng bề mặt, độ bền chống bám bẩn	TCVN 8057:2009
XIX	NGÓI	
161	Xác định tải trọng uốn gãy ngói, Xác định độ hút nước, Xác định thời gian xuyên nước, Xác định khối lượng 1m ² bão hòa nước	TCVN 4313:2023

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
XX	THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN	
162	Đo chiều dày cách điện và kích thước ngoài, số sợi, thử kéo vỏ bọc dây và cáp điện, tiết diện dây dẫn	TCVN 6610-2:2007 TCVN 6614-1-1:2008 TCVN 5935:20:2013
163	Đo điện trở ruột dẫn và điện trở cách điện	TCVN 6612:2007 TCVN 6610-2:2007
XXI	THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH KHOAN (BENTONITE VÀ DUNG DỊCH BENTONITE POLYME)	
164	Dung dịch Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định, lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
165	Dung dịch Bentonite Polyme: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, tỷ lệ chất keo, lượng tách nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định	TCVN 13068:2020
XXII	GỖ, VÁN, THANH TẤM NHỰA, TẤM COMPOSITE, COMPACT, ALUMINIUM	
	Gỗ tự nhiên:	
166	Xác định độ ẩm gỗ tự nhiên	TCVN 13707-1:2023
167	Xác định khối lượng riêng	TCVN 13707-2:2023
168	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023
169	Xác định độ bền nén, kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-5-7:2023
170	Xác định độ bền kéo, cắt song song với thớ	TCVN 13707-6-8:2023
	Gỗ nhân tạo	
171	Xác định kích thước tấm	TCVN 11904:2017
172	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017
173	Xác định Khối lượng riêng	TCVN 5694: 2014
174	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018
175	Xác định độ bền uốn	TCVN 12446:2018
176	Xác định độ bền uốn sau khi ngâm trong nước ở nhiệt độ sôi	TCVN 12444:2018
	Ván lát sàn :	
177	Xác định độ bền va đập	TCVN 11949:2018
178	Xác định độ trương nở	TCVN 11950:2018
179	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017
180	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 11907:2017
181	Xác định độ mài mòn ván lát sàn	TCVN 11947:2018
182	Xác định độ bền mối ghép nối	TCVN 11952:2018
183	Thử độ bền trượt mạch keo	TCVN 8576:2010
184	Thử tách mạch keo	TCVN 8577:2010
XXIII	THỬ NGHIỆM SƠN, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM	
185	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
186	Xác định độ nhớt, chảy	TCVN 2092:2013 TCVN 9879:2013
187	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993
188	Xác định chiều dày, độ dày màng sơn	TCVN 9406:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
		TCVN 9760:2013
189	Xác định thời gian khô	TCVN 2096-1:2015
190	Xác định độ bám dính màng sơn	TCVN 2097:2015 ASTM D4541
191	Xác định độ bền va đập, độ cứng	TCVN 2098:2007 TCVN 2100:2013 ASTM D3363 ASTM D2134
192	Xác định độ bền uốn	TCVN 2099:2013
193	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2016
194	Xác định khả năng chịu muối màng sơn	TCVN 8792:2011 ASTM B117
195	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024
196	Xác định độ bền nước	TCVN 8653-2:2024 ASTM D 870
197	Xác định độ bền kiềm	TCVN 8653-3:2024, TCVN 9014: 2011
198	Xác định độ rửa trôi	TCVN 8653-4:2024
199	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-5:2024
	Sơn vạch kẻ đường	
200	Xác định độ phát sáng, Xác định độ bền nhiệt, Xác định nhiệt độ hoá mềm, Xác định độ mài mòn, Xác định độ kháng chảy, Xác định khối lượng riêng, độ chống trượt	TCVN 8791:2011
201	Sơn tín hiệu giao thông hệ nước và dung môi: Độ mịn, ổn định, phát sáng, độ bền rửa trôi, chống loang màu, độ bền va đập, khả năng chịu dầu, muối, nước, kiềm, độ phản quang, mài mòn	TCVN 8787:2011
202	Thử nghiệm phân cấp bi thủy tinh; Thử nghiệm đặc tính chảy (Phương pháp trọng tải), Thử nghiệm màng phủ chịu ẩm; Thử nghiệm tính nổi (Phương pháp trọng tải); Thử nghiệm thiêu đốt màng phủ bám dính (Phương pháp trọng tải)	TCVN 9880:2013 ASTM D 1214 ASTM D 1155
203	Sơn bảo vệ kết cấu thép: Đánh giá độ bám dính của lớp phủ	TCVN 12816:2019
204	Xác định độ phòng rộp, độ gỉ, độ rạn nứt, độ bong tróc,	TCVN 12005:2017
205	Sơn epoxy: Độ ổn định trong thùng, tính đồng nhất, thời gian khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối	TCVN 9014:2011
206	Màng phản quang: Xác định độ co ngót, khả năng tách lớp	TCVN 7887:2018
207	Định phản quang: Xác định cường độ sáng, Khả năng chịu áp lực thẳng đứng; Khả năng chịu lực cắt	TCVN 12584:2019
208	Vật liệu chống thấm nước dạng lỏng: Cường độ bám dính; Độ chống thấm nước, Khả năng tạo cầu vết	TCVN 12692:2020 ASTM D7234

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
	nứt	ASTM D412
209	VẬT LIỆU CHỐNG THẨM - SƠN BITUM CAO SU: Xác định độ bám dính của màng sơn trên nền bê tông; xác định độ chịu nhiệt; xác định độ xuyên nước; xác định độ bền lâu	TCVN 6557:2000
	Tấm trải chống thấm :	
210	Xác định tải trọng kéo và độ giãn dài	TCVN 9067-1:2012
211	Xác định độ bền chọc thủng	TCVN 9067-2:2012
212	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9067-3:2012
213	Xác định độ thấm nước	TCVN 9067-4:2012
	Băng cản nước, cao su lưu hóa (PVC)	
214	Xác định độ cứng	TCVN1595:2013 ASTM D2240
215	Xác định khối lượng riêng	TCVN4866:2013
216	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN4509:2020 ASTM D412
217	Xác định độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014
218	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo: Kích thước, khối lượng thể tích, độ nở thể tích,	TCVN 2752:2017 ASTM D71 ASTM D471
219	Màng mỏng PVC: Kích thước, độ bền kéo, giãn dài, độ bền xé rách, bám dính	TCVN 5820:1994
XXIV	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, LƯỚI ĐỊA, MÀNG HDPE, BÁC THẨM	
220	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009 ASTM D5199
221	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009 ASTM D 5261 ASTM D3776 ASTM D5261 ASTM D 5993
222	Xác định cường độ chịu kéo, kéo mỗi nối, lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8485:2010 ASTM D 4595 TCVN 9138:2012 ASTM D4884 TCVN 8871-1:2011 ASTM D4632
223	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011 ASTM D 4533 ASTM DI004 ASTM D751
224	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011 ASTM D 6241 -2022
225	Xác định sức bền kháng thủng rơi côn, lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8484:2010 TCVN 8871-4:2011 ASTM D4833 ASTM D5635
226	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011 ASTM D3786/D3786M

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
227	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:2010 ASTM D 4491 BS 6906 ASTM D 4716
228	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256 ASTM D6392-12
229	Xác định cường độ kéo của lưới địa kỹ thuật	ASTM D6637/D6637M
230	Màng địa kỹ thuật polyetylen HDPE: Xác định độ dày của sân, xác định chiều cao sân, tính chịu kéo, độ bền chọc thủng, hàm lượng muối, độ bền lão hóa nhiệt	TCVN 9749:2014 TCVN 9750:2014 TCVN 9751:2014 TCVN 9752:2014 TCVN 9753:2014 TCVN 9756:2014
XXV	THỬ NGHIỆM KÍNH, GƯƠNG, KHUNG CỬA, VÁCH KÍNH, THANH PROFILE	
231	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2018 TCVN 7527:2005 TCVN 7528:2005 TCVN 7529:2005 TCVN 7364-6:2018
232	Thí nghiệm kính hộp: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 8260:2009
233	Thử độ bền va đập bi rơi, va đập con lắc, thử phá mẫu	TCVN 7364-4:2018 TCVN 7368:2013
234	Cửa sổ, cửa đi: Xác định kích thước ngoại quan, độ bền góc hàn thanh profile	TCVN 7452-4:2004 TCVN 7451:2004
XXVI	THỬ NGHIỆM KHUNG XƯƠNG, TẤM THẠCH CAO, TẤM XI MĂNG SỢI	
235	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, thử tải khung trần	TCVN 12694:2020 ASTM C635/C635M ASTM E3090/E3090M
236	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2023 ASTM C473
237	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2:2023 ASTM C473
238	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023 ASTM C473
239	Xác định độ kháng nhỏ	TCVN 8257-4:2023 ASTM C473
240	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023 ASTM C473
241	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023 ASTM C473
242	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023 ASTM C473
	Tấm xi măng sợi	
243	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh và độ vuông góc - tấm xi măng sợi	TCVN 8259-1:2009

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*
244	Xác định khối lượng thể tích biểu kiến	TCVN 8259-3:2009
245	Xác định độ co giãn ẩm	TCVN 8259-4:2009
246	Xác định cường độ chịu uốn - tấm xi măng sợi	TCVN 8259-2:2009
247	Xác định độ bền nước nóng	TCVN 8259-7:2009
XXVII	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA, TẤM NHỰA MICA	
248	Kiểm tra kích thước, nén, độ dày, đường kính, độ ovan	TCVN 6145:2007 TCVN6150-1:2020 TCVN6148:2007 TCVN 9070:2012
249	Xác định độ bền kéo và giãn dài	TTCVN 7434:2020
250	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003
251	Xác định nhiệt độ hoá mềm Vicat	TCVN 6147-1:2003
252	Xác định độ cứng vòng	TCVN 8850:2011
253	Xác định độ bền với áp suất bên trong - Phương pháp thử chung	TCVN 6149-1:2007
XXVIII	THỬ NGHIỆM TẤM TƯỜNG	
254	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đúc ép: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ bền treo vật nặng, độ bền va đập	TCVN 11524:2016
255	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ bền treo vật nặng; độ bền va đập, cường độ chịu nén, khả năng chịu uốn, Khối lượng thể tích	TCVN 12868:2020

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.